TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẠCH THÔNG
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20/01/2025
"Về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẠCH THÔNG – TỈNH BẮC KẠN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Ma Thị Nguyên**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Giang** và bà **Nguyễn Thị Gấm**

Thư ký phiên toà: Ông **Lý Sinh Hà** – Thẩm tra viên, Toà án nhân dân huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bạch Thông tham gia phiên toà: Bà **Trương Thị Thắm-** Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 35/2024/TLST – HNGĐ, ngày 01 tháng 11 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 12 năm 2024 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Đặng Thị X**, sinh năm 1995. Có mặt

Địa chỉ: Xóm T, xã T, huyện V, tỉnh Thái Nguyên

- Bị đơn: Anh **Triệu Văn Đ**, sinh năm 1992. Vắng mặt

Nơi cư trú: Thôn B, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/10/2024 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Đặng Thị X trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị X và anh Triệu Văn Đ quen biết, tìm hiểu và yêu nhau rồi mới quyết định kết hôn, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Chị X và anh Đại tự N đến UBND xã M, huyện B để đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 18/6/2013. Sau khi kết hôn chị X, anh Đ sinh sống, làm ăn, sinh con tại xã M. Quá trình sống chung thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2019 thì chị X và gia đình phát hiện anh Đ sử dụng chất ma túy. Chị X và gia đình đã khuyên bảo nhưng anh Đ vẫn không từ bỏ được ma túy, anh Đ đã nhiều lần uống rượu có hành vi đánh, chửi chị X, đến tháng 9/2021 anh Đ bị bắt và xét xử về tội tàng trữ trái phép chất ma túy và đi cải tạo 15 tháng tù.

Thời gian đi cải tạo chị X đã làm đơn xin ly hôn được Tòa án thụ lý, giải quyết, nhưng khi anh Đ mãn hạn tù về địa phương chị X rút đơn cho anh Đ cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhưng thực tế anh Đ vẫn giao du gặp gỡ với nhưng người nghiện ma túy, vợ chồng ngày càng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Từ đầu năm 2024 thì vợ chồng sống ly thân, quá trình sống ly thân không ai có nguyện vọng hàn gắn tình cảm vợ chồng, khi ly thân chị X, anh Đ không ai quan tâm đến ai. Mỗi người đi làm ăn một nơi. Đến nay chị X thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị X thấy không còn tình cảm vợ chồng với anh Đ nên yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Triệu Văn Đ.

- Về con chung: Chị X và anh Đ có 01 con chung là Triệu Tiến D, sinh ngày 04/4/2014, con khỏe mạnh và phát triển bình thường, hiện tại đang học lớp 5 trường Tiểu học V. Khi ly hôn, chị X yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị X không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, vay nợ chung.

* Bị đơn Triệu Văn Đ: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không tiến hành lấy được bản tự khai, lời khai của bị đơn do anh Đ không hợp tác, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng, thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên hòa giải và quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng bị đơn Triệu Văn Đ không đến Tòa án để tham gia tố tụng.

* Các tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện: Vợ chồng chị Đặng Thị X và anh Triệu Văn Đ là công dân có hộ khẩu, sinh sống và làm ăn tại thôn Bản Chang, xã M, huyện B từ khi kết hôn (năm 2013) cho đến đầu năm 2024, vợ chồng có 01 con chung. Thời gian sinh sống tại địa phương thấy những năm đầu vợ chồng hòa thuận hạnh phúc. Đến khoảng giữa năm 2021, thôn, xã được Công an thành phố B thông báo anh Triệu Văn Đ bị bắt về tội mà túy, sau đó bị xét xử và đi tù. Từ đó thấy hai vợ chồng có mâu thuẫn, chị X thường xuyên đi làm ăn không ở địa phương, đến cuối năm 2023 anh Đ mãn hạn tù về địa phương sống một thời gian rồi đi làm ăn, hiện nay làm ở đâu không thông báo nên địa phương không biết địa chỉ cụ thể, tuy nhiên thỉnh thoảng ngày lễ, tết vẫn thấy anh Đ có mặt tại thôn, xã do có con và bố mẹ đẻ của anh Đ sinh sống tại địa phương. Theo thông tin thôn, xã nắm được thì nguyên nhân như chị X trình bày là có căn cứ, do anh Đ nghiện chất ma túy, không chăm lo làm kinh tế gia đình, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi, chửi nhau và sau đó thấy vợ chồng sinh sống mỗi người một nơi, chị X đã chuyển hộ khẩu về nhà mẹ đẻ ở xã T, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/11/2024, cháu Triệu Tiến D trình bày: Cháu D thấy hiện nay bố, mẹ cháu không ở cùng với nhau, bố đi làm ăn ở đâu cháu không biết địa chỉ cụ thể, thỉnh thoảng ngày lễ, tết vẫn về thăm cháu và ở cùng với cháu mấy ngày rồi lại đi làm ăn. Hiện tại cháu đang ở cùng ông, bà nội

tại thôn Bản Châng, xã M và đi học, do mẹ đi làm ăn nên chưa đón cháu đi ở cùng, nhưng mẹ (Đặng Thị X) thường xuyên gọi điện hỏi thăm cháu và cho cháu tiền ăn, tiền học, tiền mua sách vở. Nếu bố, mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng ở với mẹ là Đặng Thị X, vì mẹ quan tâm, chăm sóc, dạy bảo và cho tiền ăn học, cháu thích ở với mẹ hơn.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Triệu Văn Đ nhiều lần nhưng anh Đ không có mặt, tại phiên tòa đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh Triệu Văn Đ vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và ý kiến về việc giải quyết vụ án.

* Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự không bị hạn chế quyền tham gia tố tụng và thực hiện đúng quy định pháp luật về tố tụng. Bị đơn vắng mặt nên không tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

* Về yêu cầu khởi kiện của đương sự và đường lối giải quyết vụ án.

- Về quan hệ hôn nhân: Theo tài liệu thu thập được và ý kiến của nguyên đơn thấy, chị Đặng Thị X và anh Triệu Văn Đ có kết hôn hợp pháp, quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, có cãi chửi nhau nguyên nhân do anh Đ sử dụng chất ma túy dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2024 đến nay. Chị X xác định vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, mỗi người sinh sống một nơi, tình cảm vợ chồng không còn nên theo quy định tại khoản 1, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì không đảm bảo được hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị X xin ly hôn với anh Triệu Văn Đ là có căn cứ.

- Về con chung: Chị X và anh Đ có 01 con chung là Triệu Tiến D, sinh ngày 04/4/2014, con khỏe mạnh và phát triển bình thường. Khi ly hôn, Chị X yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi. Do anh Đ không có ý kiến về việc nuôi con chung, mặc khác chị X là người đang trực tiếp quan tâm, chăm sóc, dạy bảo và cho tiền ăn học nên cần giao con cho chị Đặng Thị X trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và vay nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

Đề nghị căn cứ Điều 28; 35; 147; 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1, Điều 56; Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

* Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Đặng Thị X, cho chị X được ly hôn với anh Triệu Văn Đ.

* Về con chung: Giao con chung Triệu Tiến D, sinh ngày 04/4/2014 cho chị Đặng Thị X trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Triệu Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

* Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

* Về tài sản chung và vay nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

* Về án phí: Đương sự phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình vợ chồng có đăng ký kết hôn hợp pháp. Căn cứ vào Điều 28; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn. Bị đơn Triệu Văn Đ không hợp tác và được Tòa án tiến hành thông báo hòa giải nhưng anh Đ không có mặt, chị X không yêu cầu hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại Điều 207/BLTTDS. Tuy nhiên, vẫn tiến hành phiên họp kiểm tra, giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ theo quy định tại Điều 208/BLTTDS.

Tại phiên tòa, bị đơn Triệu Văn Đ đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị X và anh Triệu Văn Đ kết hôn với nhau trên cơ sở hai bên hoàn toàn tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 18/6/2013. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Đ thường xuyên ham chơi hay tụ tập bạn bè, không chăm lo cho đời sống gia đình, không tập trung làm ăn, dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng cãi chửi nhau nguyên nhân do anh Đ sử dụng chất ma túy và bị xét xử, đi tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, sau đó vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay. Từ khi sống ly thân không ai quan tâm hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị X xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị X yêu cầu được ly hôn với anh Triệu Văn Đ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ lời khai của chị X và các tài liệu chứng cứ xác minh tại địa phương thấy quan hệ hôn nhân của chị X và anh Đ là đúng thực

tế, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, cãi, chửi nhau do anh Đ sử dụng chất ma túy nên vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2024, mỗi người sinh sống một nơi, kinh tế tự làm ăn riêng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh Đ không hợp tác để trình bày ý kiến, quan điểm nên chị X yêu cầu xin ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị X và anh Đ có 01 con chung là Triệu Tiến D, sinh ngày 04/4/2014, con khỏe mạnh và phát triển bình thường. Khi ly hôn, chị X yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Xét thấy, anh Đ hiện nay đi làm ăn, không trực tiếp nuôi con, đồng thời cũng không có ý kiến gì khi Tòa án giải quyết vụ án. Mặt khác, chị X thường xuyên quan tâm, chăm sóc, chu cấp tiền nuôi con đầy đủ, ổn định hơn. Để đảm bảo quyền lợi của con chung cần giao con chung cho chị Đặng Thị X trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của con chung.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Sau khi ly hôn, anh Triệu Văn Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

[5]. Về tài sản chung: Chị Đặng Thị X không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về vay nợ chung: Chị Đặng Thị X không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về án phí: Chị Đặng Thị X phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, khoản 1, Điều 56; Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của nguyên đơn Đặng Thị X.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đặng Thị X, chị X được ly hôn với anh Triệu Văn Đ.

2. Về con chung: Giao con chung Triệu Tiến D, sinh ngày 04/4/2014 cho chị Đặng Thị X trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh Triệu Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Đặng Thị X phải chịu 300.000[đ] (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị X đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001294 ngày 01/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn. Xác nhận chị X đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành bản án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*"./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND H. Bạch Thông;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- Chi cục THADS H. Bạch Thông;
- Các đương sự;
- UBND xã Mỹ Thanh;
- Lưu HSVA; Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Ma Thị Nguyên

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thăng B + Chu Thị Thu Trang **Ma Thị N1**